

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:32/2021/DS-ST

Ngày: 21-10-2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về họ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Phạm Văn Nhơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phương Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về họ (hụi)*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1969 “có mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã L, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn R, sinh năm 1968 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã G, huyện A, tỉnh Vĩnh Long

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Trần Thị T (6 N), sinh năm 1954 “vắng mặt”.

3.2. Anh Mai Văn Tấn P, sinh năm 1975 “vắng mặt”.

3.3. Bà Nguyễn Thị L “vắng mặt”.

3.4. Bà Lê Thị Út C, sinh năm 1964 “vắng mặt”.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã K, huyện R, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2020, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 05 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: s

- Dây hụi thứ 1: dây hụi 3.000.000đồng, mở ngày 09/9/2013 âm lịch (nhằm ngày 13/10/2013), loại hụi mùa, bốn tháng khui một lần, gồm có 19 phần, ông R tham gia một phần, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi lần hụi viên lãnh hụi là 1.000.000đồng. Ông R góp hụi sống được 05 lần, đến lần thứ 6 mở hụi 1.550.000đồng, lãnh hụi được số tiền 32.850.000đồng. Sau khi lãnh hụi ông R góp được 10 lần hụi chết là 30.000.000đồng. Còn lại 03 lần chưa góp bằng 9.000.000đồng. Bà yêu cầu ông R trả 9.000.000đồng.

- Dây hụi thứ 2: dây hụi 3.000.000đồng, mở ngày 13/9/2014 âm lịch (nhằm ngày 16/10/2014), loại hụi mùa bốn tháng mở một lần, gồm có 19 phần, ông R tham gia một phần, chủ hụi hưởng hoa hồng mỗi lần hụi lãnh hụi là 1.000.000đồng. Ông R góp hụi sống được 06 lần, đến lần thứ 7 mở hụi 1.550.000đồng, lãnh được số tiền 34.400.000đồng. Sau khi lãnh hụi ông R góp được 6 lần hụi chết là 18.000.000đồng. Còn lại 06 lần chưa góp bằng 18.000.000đồng. Bà yêu cầu ông R trả 18.000.000đồng.

Hai dây hụi trên đều đã kết thúc. Bà đã góp thay cho ông R là 27.000.000đồng. Bà yêu cầu ông R trả bà 27.000.000đồng.

Sau khi thụ lý đơn của bà T, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng phía bị đơn ông R không trả lời ý kiến bằng văn bản về nội dung khởi kiện của nguyên đơn và không đến tham gia phiên họp và hòa giải cho nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được giữa các đương sự. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về tố tụng Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và trình tự, thủ tục xét xử của Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn R có nghĩa vụ trả bà Lê Thị T số tiền 27.000.000đồng.

Án phí sơ thẩm buộc ông R nộp toàn bộ là 1.350.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị T khởi kiện buộc ông Phạm Văn R, địa chỉ cư trú ấp K, xã L, huyện S, tỉnh Vĩnh Long trả nợ họ (hụi). Do đó đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về họ nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[1.2] Bị đơn ông R được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.3] Người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tham gia phiên tòa Căn cứ Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng.

[1.4] Về áp dụng luật nội dung: Giao dịch hụi xác trước ngày 01/01/2017 (ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực pháp luật) đang thực hiện nên áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung:

Xét lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị T cho rằng ông Phạm Văn R có tham gia 02 dây hụi mùa, loại hụi 3.000.000đồng ngày 13/10/2013 và ngày 16/10/2014. Ông Phạm Văn R sau khi lãnh hụi không góp lại cho bà T số tiền 27.000.000đồng, bà T phải góp thay đến khi hụi kết thúc là sự việc có xảy ra. Bởi, hai dây hụi trên thì theo lời khai của các hụi viên cùng tham gia chung với ông R có biết việc ông R có đi mở hụi, và khi được lãnh hụi, các hụi viên cũng biết.

Xét việc giao dịch hụi giữa bà T là chủ hụi với ông R là hụi viên hai dây hụi là giao dịch hụi có lãi, trường hợp các bên vi phạm nghĩa vụ thì trách nhiệm giữa chủ hụi với hụi viên, không liên quan đến các hụi viên khác. Theo yêu cầu của bà T yêu cầu ông R trả lại bà 27.000.000đồng là tiền hụi của bà T đã góp thay là hụi có lãi. Số tiền ông R góp hụi cao hơn số tiền được lãnh hụi là tiền lãi nhưng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì mức lãi suất này không cao so quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005. Mặt khác, số tiền 27.000.000đồng bà T cũng đã góp cho các hụi viên khác, bà T không có hưởng lợi từ số tiền này. Theo yêu cầu của bà T thì ông R không có ý kiến và cũng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh. Do đó, có căn cứ buộc ông R có nghĩa vụ liên đới trả 27.000.000đồng cho bà T là phù hợp với Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 16 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 27.000.000đồng được tòa án chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải nộp án phí dân sự: 1.350.000đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ so với nhận định trên nên chấp nhận

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 476, 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 10, 16, khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Buộc ông Phạm Văn R có nghĩa vụ trả bà Lê Thị T 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Phạm Văn R chưa trả xong số tiền trên cho bà Lê Thị T thì phải trả thêm lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Phạm Văn R có nghĩa vụ nộp 1.350.000đ (một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- VKS nhân dân huyện R: 01;
- Đường sự: 02;
- Chi cục Thi hành án huyện P: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong